Quyển 4 (Kinh số 88 - 102)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

QUYỂN 4 99

QUYỂN 4 88. HIẾU DƯỠNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn trẻ tuổi tên uất-đa-la đi đến chỗ Phật. Sau khi ân cần thăm hỏi nhau xong, Uất-đa-la ngồi sang một bên rồi thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Con thường khất thực đúng pháp rồi đem về phụng dưỡng cha mẹ, giúp cha mẹ lìa khổ được an vui. Bạch Thế Tôn! Con làm như thế thì có được nhiều phước hay không? Đức Phật bảo uất-đa-la: Thật có nhiều phước. Vì sao như vậy? Vì nếu ai khất thực đúng pháp rồi phụng dưỡng cha mẹ, khiến cha mẹ an lạc, trừ bỏ khổ não thì quả thật có phước lớn. Khi ây, The Ton liên noi kẹ: Người nào đối cha mẹ5 Cung kính và phụng dưỡng, Hiện đời lưu tiếng thơm, Lâm chung sanh thiên thượng. Đức Phật thuyết kinh này xong, thiếu niên uất-đa-la đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

89. HIẾN TÉ ĐÚNG PHÁP2 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn trẻ tuổi tên Ưu-ba-ca đi đến chỗ Phật. Sau khi ân cần thăm hỏi xong, ưu-ba-ca ngồi sang một bên rồi bạch Phật:

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.88. 0022c20). Tham chiếu: Biêt Tạp.(r02. 01Ó0.88. Ờ404a06);5. 7.19-L 181. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.89. 0022c03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.89. 0404a27); 24.4.39 - II. 42

100 KINH TẠP A-HÀM

Thưa Cù-đàm! Các Bà-la-môn thường khen ngợi đại hội hiến tế,3 Sa-môn Cù-đàm cũng khen ngợi đại hội hiến tế chăng? Đức Phật bảo Ưu-ba-ca: Ta chẳng khen ngợi một chiều, vì có đại hội hiến tế đáng khen ngợi và cũng có đại hội hiến tế không đáng khen ngợi. ưu-ba-ca bạch Phật: Những đại hội hiến tế nào đáng khen ngợi? Những đại hội hiến tế nào không đáng khen ngợi? Đức Phật bảo ưu-ba-ca: -Nếu có đại hội hiến tế nào mà phải cột trói cả bầy nghé, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác rồi tất cả đều bị sát hại, áp bức hành hạ; hoặc có những kẻ nô bộc, người làm công bị đánh đập bức ép, gào khóc buồn khổ, không vui không thích, làm việc nhọc nhằn. Đối với những đại hội hiến tế như thế thì Ta không khen ngợi, vì gây tạo nên họa lớn. Nếu có đại hội hiến tế nào mà không bắt trói súc vật, cho đến không khiến chúng sanh phải chiu khổ sở nhọc nhằn. Đối với những đại hội hiến tế như thế thì Ta khen ngợi, vì không gây tạo nên họa lớn. LÚC ay, The Ton liên noi kẹ: Những đại hội tế ngựa, Gây tạo nên họa lớn, Te lễ giống như vậy, Đại Tiên4 không khen ngợi. Trói buộc các chúng sanh, Sát hại côn trùng nhỏ, Chẳng phải hội chân chánh, Đại Tiên không tùy thuận. r 9 •

Nêu chăng hại chúng sanh, Chẳng gây các khổ nạn, Là đại hội chân chánh, Đại Tiên thuận tán thán. Bo thí và cúng dường, Là tế lễ đúng pháp, Người thí, tâm thanh tịnh,

Phạm hạnh, ruộng phước tốt.5 Những đại hội như thế, Là hội A-la-hán, Hội này được quả lớn, Chư thiên đều vui mừng. Tự mình cung kính thỉnh, Tự tay ban bo cho, Ta, người đều thanh tịnh, Thí vậy được quả lớn. Người trí thí như vậy, Tín tâm, được giải thoát, Thế gian vui, vô tội, Người trí sanh đến đó.

3 Nguyên tác: Tà thạnh đại hội ().A. 4.39 - II. 42 gọi là "các loại tế dàn" (sabbam yañña m). 4 Nguyên tác: Đại Tiên (),tôn hiệu chỉ cho đức Phật. 5 Phước điền (ffl, puññakkhettarri). Điền là ruộng. Phước điền là ruộng phước, là nơi sanh trưởng các loại lương thực đê nuôi dường chúng sanh nên lấy ý nghĩa này. Chủ giải kinh A. 3.97 gọi là "noi sanh trưởng cua phước^, (puññaviruhanaīihānarri).

Bấy giờ, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe Phật dạy xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ rồi lui ra. ***

90. HIẾN TẾ THANH TỊNH67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. (Đức Phật cũng nói đầy đủ như kỉnh trên, chỉ sai khác ở phần bài kệ): Niết-bàn/ chăng nạn tai, Khi tế đàn thanh tịnh, Đúng như pháp làm theo, Giữ gìn các Phạm hạnh. Tiêng thơm khắp thê gian, Vượt lên hàng phàm tục, Phật khen ngợi tế đàn5 Nếu tế đàn thanh tịnh. Tu bô thí, cúng dường, Hãy cúng nơi đáng cúng, Tịnh tín, thí bình đẳng, Phạm hạnh, ruộng phước lành. Cúng thí đúng như thế, Là cúng ruộng La-hán, Thí rộng lớn như vậy, Được chư thiên tán thán. Tự mình cung kính thỉnh, Tự:r tay dâng cúng dường, Ta, người đều bình đẳng, Hiên cúng được quả lớn. Người trí thí như vậy, Tịnh tín, tâm giải thoát, Nơi thế giới vô tội, Người trí sanh đến đó. Bấy giờ, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe Phật dạy xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

91. BỐN PHÁP SỐNG AN VUI8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi Bà-la-môn trẻ tuổi tên là uất-xà-ca9 đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để có được sự an ổn và niềm vui trong cuộc sống hiện tại?

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.90. 0023a06). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 01Ó0.90.0404b27M.4.40-IL43. , 7 Nguyên tác: Vô vi (),chỉ cho việc không còn tạo tác (),là cách gọi khác chỉ cho Niết-bàn (ii). " 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.91. 0023a22). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.91. 0404cl9);‘4 8.54 . IV. 281; ^4. 8.55 - IV. 285. 9 Uất-xà-ca (,Ujjaya).

Phật bảo Bà-la-môn: Có bốn pháp giúp người thế tục tại gia được an ổn và niềm vui trong cuộc sống hiện tại. Là bốn pháp nào? Đó là đầy đủ sự siêng năng,10 đầy đủ sự phòng hộ, đầy đủ bạn lành11 và đầy đủ sự thăng bằng trong sinh hoạt.12 Thế nào gọi là đầy đủ sự siêng năng? Nghĩa là người thiện nam có đầy đủ sự thiện xảo trong nghề nghiệp13 để tự nuôi sống, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc làm quan, hoặc viết

sách, toán thuật, hội họa... đối với những nghề nghiệp đó thì phải luôn siêng năng trau dồi để chúng thiện xảo. Đó gọi là đầy đủ sự siêng năng. Thế nào gọi là đầy đủ sự phòng hộ? Nghĩa là người thiện nam có được những tiền bạc, gạo thóc, do siêng năng mà kiếm được, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà thu được,14 hết sức giữ gìn, không để vua, giặc, nước, lửa cướp đoạt, trôi chìm, mất mát. Nếu không khéo giữ gìn sẽ bị mất mát, hoặc bị kẻ oán nghịch15 chiếm lấy, hoặc bi các tai nạn làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam đay đủ sự phòng hộ. Thế nào gọi là đầy đủ bạn lành? Như có người thiện nam sống đúng mực, không buông lung, không giả dối, không hung hiểm, bậc tri thức như vậy có thể khéo an ủi, đối với những buồn khổ chưa sanh thì người ấy có thể khiến chúng không sanh; đối với những buồn khổ đã sanh thì người ấy có thể mở bày, thức tỉnh; đối với những an vui chưa sanh thì người ấy có thể khiến chúng mau chóng phát sanh; đối với sự an vui đã sanh thì người ấy có thể khiến chúng không bị mất mát. Đó gọi là người thiện nam có đầy đủ bạn lành. Thế nào gọi là đầy đủ sự thăng bằng trong sinh hoạt? Nghĩa là đối với những tiên tài mà người thiện nam có được thì biêt chi thu cân đôi, giữ gìn trọn vẹn, không thê thu nhiêu chi ít, hoặc chi nhiêu thu ít. Như người câm cân, hê thiếu thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, biết đã cân bằng rồi mới thôi. Cũng vậy, đối với những tiền tài người thiện nam có được thì phải thu chi cân đối, không thu nhiều chi ít, hoặc chi nhiều thu ít.

10 Nguyên tác: Phương dện cụ túc .Phương tiện utthāna vừa có nghĩa là phương cách, vừa có nghĩa là nô lực, băng chữ '"tinh t2n”vãyãmà, như "chánh phượng tiện,^ , sammāvāyāmo tức là 4tchanh tinh tấn." Theo A. 8.54 - IV. 281: Utthānasampadā đầy đủ sự tháo vát, HT. Thích Minh Châu dịch. 2 Nguyên tác: Thiện tri thức cũng gọi là "thiên bằng hữu,, “hrơng hữu”. Theo 4 8.54 - IV. 281: Kalyānamitta bạn tót lành. 12 Nguyên tác: Chánh mạng ,được dịch từ samajīvitā. Sāmā có nghĩa thường sử dụng là sự bình đăng, cân băng. Sāmā được dùng như sammā, có nghĩa là chính xác, đúng đắn, hoàn toàn. Tư diễn Pali của Thủy Dã Hoăng Nguyên zKdịch samajīvitā là 4tđăng mạng,, .Theo A. 8.54 - IV. 281, samajīviiā là song thang bàng, điều hòa HT. Thích Minh Chau dịch. 13 Nguyên tác: Nghiệp xứ kammatthānenā. 14 Nguyên tác: Như pháp nhi đắc ,dhammikā dhammaladdhā. :Nguyên tác: Bất ái niệm giả ,dùng như chữ 4tác tử”.Theo A. 8.54-IV. 281: Appiyā dāyādā người thừa ke không phù hợp.

QUYỂN 4 103

Nếu người thiện nam không có nhiều tiền tài mà tiêu dùng rộng rãi, phung phí thì do lối sống này mà người ta đều gọi là quả un-đàm-bát không có hạt, 16 đó là kẻ ngu si tham dục, không nghĩ đến ngày sau. Hoặc có người thiện nam tiền của đầy ắp mà không dám tiêu dùng, người ngoài nhìn thấy đều nói: "Đó là kẻ ngu si như con chó chết d6i." Vì thế, người thiện nam đoi với tiền tài, của cải nên thu chi chừng mực và điều hòa. Đó gọi là đây đủ sự thăng băng trong sinh hoạt. Như thế, này Bà-la-môn! Nếu thành tựu bốn pháp này thì cuộc sống hiện tại được an vui. Bà-la-môn bạch Phật: -Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu pháp để có thể làm cho người tại gia ở đời sau được an ổn, đời sau được an vui? Phật bảo Bà-la-môn: Có bốn pháp có thể làm cho người tại gia ở

đời sau được an ổn? đời sau được an vui. Là bốn pháp nào? Đó là niềm tin đầy đủ, giới hạnh đầy đủ, bố thí đầy đủ và trí tuệ đầy đủ. Thế nào gọi là niềm tin đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam đối với đức Như Lai có lòng tin tưởng, tôn kính, xây dựng góc rê niêm tin vững chác, không bị chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên cùng các hạng loại khác trong the gian phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có niềm tin đầy đủ. Thế nào gọi là giới hạnh đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là giới hạnh đầy đủ. Thế nào gọi là bố thí đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam lìa bỏ tâm keo lẫn, sống đời tại gia mà thực hành hạnh bố thí giải thoát. Vi ấy thường tự tay đem cho, vui mừng tu hạnh thí xả, tâm luôn ưa thích bố thí bình đẳng.*17 Đó gọi là người thiện nam có bố thí đầy đủ. Thế nào gọi là trí tuệ đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam biết như thật về khổ Thánh đế; tập, diệt, đạo Thánh đế thảy đều biết như thật. Đó gọi là người thiện nam có trí tuệ đầy đủ. Nếu người thiện nam tại gia thực hành bốn pháp này thì có thể khiến cho đời sau được an ổn? đời sau được an vui.

^Nguyên tác: Ưu-đàm-bát qu udumbarā'. Quả sung, conggi là iru-dam-ba-la ,ưu-đàm hoa ưu-đàm-bạt-la vô hoa quả .Theo A. 8.54
IV. 281: Udúm barakhādī vāyam kulaputto bhoge khādātī'ti Người thiện nam tử này ăn tài sản của vị ây như ăn trái cây sung, HT. Thích Minh Châu dịch. Chủ giải Kinh Tăng chi bô giải thích: Như người rung cây sung chín, làm rụng nhiều quả, nhưng chỉ vài quả ăn được, còn thì vát bỏ hét. 17 Nguyên tác: Đẳng tâm hành thí .Theo A. 8.54 - IV. 281: Dānasamvibhāgarata vui thích với việc bố thí bình đăng.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ: Siêng năng học nghề nghiệp, Tích lũy, khéo giữ gùi, Người thiện nam tri thức, Điều hòa trong sinh hoạt. Tịnh tín, giới đầy đủ, Bố thí lìa xan tham, Từ bỏ con đường mê, Đời sau được an lạc. Nếu sống đời tại gia, Thành tựu tám pháp này, Lời Phật dạy chân thật,18 Đấng Giác Ngộ19 tuệ tri, Hiện tại được an ổn, Đời này song an vui, Đời sau đầy hỷ lạc. Bấy giờ, uất-xà-ca nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. *** 92. BÀ-LA-MÔN KIÊU MẠN20 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đi dần đến vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn21 đang cư ngụ ở đó. Dòng họ cha mẹ của ông ta thảy đều trong sạch, không chút tì vết đáng đe bàn tán, bảy đời noi dõi thảy đều trong sạch. Ông là bậc thầy của hàng Bà-la-môn, ngôn luận thông đạt, các kinh điển, luận ký với hàng vạn tên gọi thảy đều biết rõ? hiểu pháp hơn kém, phân biệt chữ nghĩa, nhân duyên nguồn gốc mọi việc xa xưa đều tường tận,22 nhớ kỹ rồi tụng đọc từng câu, tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang nên ông không kính trọng cha mẹ,

^Nguyên tác: Phiên đế tôn sở thuyết ().Theo A. 8.54 - IV. 281: Akkhātā saccanāmena (Bậc Chân thật tuyên bố), HT. Thích Minh Châu dịch. 19 Nguyên tác: Đẳng Chánh Giác (). 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.92. 0023c18). Tham chiếu: Biêt Tạp.(T.02. 0100.258. Ỏ463c27); s. 7.15 - L 177. 21 Kiêu Mạn

Bà-la-môn ().p. Mānatthaddho nāma brāhmano (người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha). Biệt Tạp.(r02. 0100.258. 0464a07) ghi là Cực Mạn Ma-nap (Wit). 22 Theo chú thích của bản Đại Chảnh, mười một chữ: được bổ chính do y cứ vào bản Nguyên.

, M M F r • r

LÚC áy, Thê Tôn đang thuyêt pháp cho đại chúng vây quanh lăng nghe, không để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn liên suy nghĩ: “Sa môn Cù-đàm không để ý đến ta, thôi ta đi vềy Ngay khi đó9 Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn nên Ngài bèn nói kệ: Kiêu Mạn đã đến đây, Bất thiện, mạn thêm tăng, Nêu đen vì đạo lý, Nghĩa ấy hãy vun bồi. Lúc ấy, Bà-la-môn Kiêu Mạn nghĩ thầm: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", rồi ông muốn sửa mình kính lễ. Khi ấy, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn: -Thôi! Thôi! Không cần làm lễ? tâm tinh là đủ rồi. Bấy giờ, khắp cả đại chúng đều đồng thanh khen ngợi: -Lạ thay! Thế Ton, bậc Đại Đức, Đại Lực. Hôm nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này do tự cao ve huyết thong, tự cao ve dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về thông minh, tự cao về sự giàu sang nên không kính trọng cha mẹ, các bậc Tôn túc, Sư trưởng. Thế mà ngày nay, ông ta đến trước Sa-môn Cù-đàm, khiêm hạ, từ tốn, muốn lễ sát chân Ngài! Khi ấy, Bà-la-môn Kiêu Mạn ở trước đại chúng bảo họ im lăng rồi nói kệ: Thế nào là kiêu mạn? Làm sao khéo an ủi? The Ton nói kê đáp: Với cha mẹ? anh em Cùng các bậc đáng kính, Phải một lòng cung kính, Hét lòng mà hng

chiếc áo trắng sạch không một vết nhơ thì rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo rồi chứng ngộ chân lý.25 Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp,26 vượt các nghi hoặc, không do người khác mà được giải thoát, ở trong Chánh pháp được vô sở úy? liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chăp tay đanh lễ roi bạch Phật: —Hôm nay, con có thê được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc chăng? Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn: Hôm nay, ông có thể ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc. Bà-la-môn liên được xuât gia, một mình lặng lẽ suy tư vê lý do khiên người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo... rồi đắc quả A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.27 ***

93. BA LOẠI LỬA28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đi dần đến và ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Trường Thân29 tổ chức đại hội hiến tế như thế này: Dùng bảy trăm con bò mộng30 cột sắp hàng nơi cây trụ, còn những bò dực, bò cái, trâu, dê, nghé cùng với các loài súc sanh nhỏ bé đều bị trói chặt rồi bày biện món ăn thức uống đe bo thí một cách rộng rãi. Nhiều chúng ngoại đạo từ các nước khác nhau đều đen tập hợp trong đại hội hiến tế này. Khi ấy, Bà-la-môn Trường Thân nghe nói Sa-môn Cù-đàm đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đi dần đến và ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ9 liền nghĩ: "Hôm nay, ta tổ chức đại

hội hiến tế với bảy trăm con bò mộng cột sắp hàng... cho đến vô số những sanh loại nhỏ bé khác đều được buộc chặt. Vì đại hội hiến tế nên có nhiều chúng ngoại đạo từ các nước khác nhau đến tham dự. Bây giờ, ta nên đến chỗ Sa-môn Cu-đàm hỏi về pháp hiến tế, số lượng các phẩm vật dùng để tổ chức, để đại hội hiến tế của ta không bị thiếu s6t."

25 Nguyên tác: Vô gián đẳng abhisamayo, chỉ cho việc tỏ ngộ hoàn toàn bốn Thánh đế rồi ngay đó chứng đắc quả vị Dự lưu. 26 Nguyên tác: Kiến pháp, đắc pháp, tri pháp, nhập pháp .p. ditthadhammo pattadhammo viditadhammo pariyogālhadhammo. Nguyen tác: Thiện giải thoát ,suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.02. 0099.22. 0004c20. 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.93. 0024b13. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.259. Ỏ464bl4j; TÍ. 7.47-IV. 41. 29 Trường Thân Uggatasarĩra. 30 Nguyên tác: Đặc ngưu Bò đầu đàn, bò chúa ụsabhà.

QUYỂN 4 107

Suy nghĩ xong, Bà-la-môn cưỡi xe ngựa trắng cùng với các thiếu niên Bà- la-môn kẻ trước người sau đi theo, cầm dù lọng cán vàng, ôm bình vàng rồi ra khỏi thành Xá-vệ? đi đến chỗ Thế Tôn với lòng cung kính, phụng sự. Đen trước cổng tinh xá, họ xuống xe đi bộ, đến trước đức Phật, ân cần thăm hỏi roi ngoi qua một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Hôm nay, tôi muốn tổ chức đại hội hiến tế, đem bảy trăm con bò mộng cột thành hàng nơi các trụ... (cho đến) vô số những sanh loại nhỏ bé đều được buộc chặt. Vì đây là đại hội hiến tế nên có nhiều chúng ngoại đạo từ các nước khác nhau đến tham dự. Tôi lại nghe Cù-đàm đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi dần đi đến ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ nên toi đến thưa hỏi Cù-đàm về pháp đại hội hiến tế, số lượng các phẩm vật dùng để tổ chức, để đại hội hiến tế của tôi không bi thiếu sót. Phật bảo Bà-la-môn: Có một loại đại hội hiến tế, tuy người chủ thực hành bố thí và làm phước nhưng lại sanh ra tội, bị đâm cắt bởi ba thứ đao kiếm, chuốc lấy quả báo xấu ác. Ba thứ đao kiếm là gì? Nghĩa là đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiêm bơi y. Thế nào là đao kiếm bởi y, sanh ra các quả báo khổ? Như người chủ tổ chức đại hội hiến tế suy nghĩ rằng: "Ta tổ chức đại hội hiến tế nên phải giết nhiêu con bò mạnh khỏe, nhiêu trâu đực, trâu cái, dê, nghé cùng vô sô sanh loại khác.” Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Như vậy, tuy người thí chủ muôn làm các việc bô thí cúng dường, nhưng thật ra lại sanh thêm tội lỗi. Thể nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Như người chủ tổ chức đại hội dạy bảo như vầy: "Hôm nay, ta tổ chức đại hội tế lễ, các ông hãy giết bấy nhiêu con trâu mạnh khỏe... (cho đếrỉ) giết hại vô số sanh loại nhỏ bé khác.” Đó gọi là đao kiêm bởi miệng, sanh ra các quả báo khô. Người chủ đại hội tuy muốn bố thí, cúng dường nhưng thật ra lại sanh thêm tội lỗi. Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Như người chủ tổ chức đại hội tế lễ, tự tay sát hại nhiều con trâu... (cho đến) giết hại vô số sanh loại nhỏ bé khác. Đó gọi là đao kiêm bởi thân, sanh ra các quả báo khô. Người chủ đại hội kia tuy nghĩ đến việc bố thí, cúng dường ĩihtrng thật ra lại sanh thêm tội lỗi. Tuy nhiên, nếu Bà-la-môn nào siêng năng, tùy thời cúng dường, cung kính, lễ bái,

phụng sự ba thứ lửa thì sự bố thí này đưa đến an vui. Là ba thứ lửa nào? Một là lửa cội nguồn, hai là lửa gia đình, ba là lửa phước điền. Thế nào là lửa cội nguồn? Vì sao tùy thời cung kính, cúng dường, phụng sự [lửa cội nguồn] thì sự bố thí này đưa đến an vui? Nghĩa là người thiện nam

nhờ siêng năng mà có được tiên của, do làm việc cân cù, khó nhọc băng chân tay mà thu hoạch như pháp rồi đem cúng dường cha mẹ9 làm cho cha mẹ được an vui. Đó gọi là lửa cội nguồn. Vì sao gọi là cội nguồn? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra nên gọi cha mẹ là cội nguồn. Người thiện nam do tôn trọng cội nguồn, gốc rễ này nên tùy thời cung kính, phụng SỊT, cúng dường thì sự bo thí này đưa đến an vui. Thế nào là lửa gia đình? Vì sao người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng [lửa gia đình] thì sự bố thí ấy đưa đến an vui? Nghĩa là người thiện nam nhờ siêng năng mà có được tiền của, do làm việc cần cù, khó nhọc bằng chân tay mà thu hoạch như pháp rồi đem cung cấp cho vợ con, tôn thân quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy lúc chu cấp cho họ và đem lại an vui cho người thân. Đó gọi là lửa gia đình. Vì sao gọi là lửa gia đình? Vì người thiện nam song trong gia đình, vui thì cùng vui, kho thì cùng kho, trong gia đình thì mọi việc đều tùy thuận và tương hỗ lẫn nhau, cho nên gọi là gia đình. Do đó, người thiện nam nên tùy thời cung cáp [lửa gia đình] thì sự bô thí ây đưa đên an vui. Thế nào là lửa phước điền? Vì sao người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng, cúng dường [lửa phước điền] thì sự bố thí này đưa đến an vui? Nghĩa là người thiện nam nhờ siêng năng mà có được tiền của, do làm việc cần cù? khó nhọc bằng chân tay mà thu hoạch như pháp rồi đem phụng sự5 cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn, những người khéo điều phục tham, sân, si. Cúng dường những Sa-môn5 Bà-la-môn như thê là kiên lập ruộng phước, càng thêm tăng tiến, hiện tại an vui, được quả báo tốt, tương lai được "sanh lên cõi trời y ĐÓ gọi là lửa phước điên. Vì sao gọi là phước điên? Vì đó là phước điên cho the gian, là người đáng được cúng dường nên gọi là phước điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường thì sự bố thí ấy đưa đến an vui. Bay giơ, The Ton lại noi kệ: Cội nguồn và gia đình, Lửa ruộng phước nên cúng, Cúng dường nhiều lửa ấy, Đủ đầy, sống an vui. Thế gian vui, không tội, Người trí sanh về đó, Như pháp mở hội thí, Cúng dường nơi đáng cúng, Vì cúng nơi đáng cúng, Sanh cõi trời tiếng thơm. Nhưng này Bà-la-môn, người thiện nam trước khi cúng dường thì nên đoạn trừ và dập tắt ba thứ lửa. Là ba thứ lửa nào? Đó là lửa tham dục, lửa sân hận và lửa ngu si. Vì sao như vậy? Nếu lửa tham dục chưa được đoạn trừ, chưa bị dập tắt thì sẽ hại mình, hại người và hại cả hai; hiện tại đắc tội, đời sau đắc tội, hiện tại và đời sau đều đắc tội. Do duyên với tội lỗi nên tâm sanh ưu phiền, khổ não. Lửa sân hận và lửa ngu si cũng lại như vậy.

Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam thờ phụng việc tích chứa củi lửa, tùy thời khổ nhọc, tùy thời đốt cháy, tùy thời tắt lửa [thì do] nhân duyên [này mà] phải chịu khổ. Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân đứng yên lặng. Khi ấy, có vi Bà-la-môn tên là uất-đa-la đang ngồi ở trong chúng. Bà-la- môn Trường Thân yên lặng suy nghĩ trong phút chốc

rồi bảo uất-đa-la: Con hãy đi đến chỗ đại hội hiến tế rồi thả những con bò đực đang bị cột nơi những cây trụ và những sanh loại bị cột trói, tất cả đều thả ra hết. Sau đó, con hãy tuyên bo rang: "Bà-la-môn Trường Thân cho phép các ngươi tùy ý tự tại thênh thang ở núi, đâm, đông hoang... ăn cỏ tươi non, uông nước trong lành, bốn bề gió mát, hưởng mọi an lạc.” uất-đa-la thưa: Con xin vâng theo lời thầy3132dạy! uất-đa-la liền đi đến chỗ đại hội hiến tế, thả hết sanh loại và tuyên bố: 6íBà- la-môn Trường Thân cho phép các ngươi tùy ý tự tại thênh thang ở núi, dầm, đồng hoang... ăn cỏ tươi non, uống nước trong lành, bốn bề gió mát, hưởng mọi an lạc." Sau khi Thế Tôn đã biết việc làm của uất-đa-la? liền vì Bà-la-môn Trường Thân mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hy.32 Đúnệ theo luật, The Tôn thuyết pháp tuần tự trước sau, nói về trì giới, về bo thí và ve công đức sanh lên cõi trời; nói về vị ngọt và tai họa của ái dục, về giải thoát, về thanh tịnh, về sự lắng sạch phiền não, Ngài đều chỉ dạy rõ ràng. Ví như tấm lụa trắng sạch thì rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Trường Thân cũng như thế, ngay tại chỗ ngồi, thấy được bốn chân đế rồi chứng ngộ chân lý.33 Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt các nghi hoặc, đạt được giải thoát không do người khác, ở trong Chánh pháp được vô sở úy5 liền từ chỗ ngoi đứng dậy sửa y phục, bày vai phải rồi chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con đã được độ. Từ nay cho đến trọn đời con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo-tăng? nguyện làm iru-bà-tắc? mong Ngài chứng tri cho con. Kính thỉnh Thế Tôn và đại chúng thọ nhận món ăn thức uống do con cúng dường! Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời thinh, Bà-la-môn Trường Thân đảnh lễ Phật rồi nhiễu quanh bên phải ba vòng và trở về.

31 Nguyên tác: Đại sư ,Satthā. 32 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.r02. 0099.92. 0023cl8. 33 Nguyên tác: Vô gián đẳng ,abhisamayo, chỉ cho việc tỏ ngộ hoàn toàn bốn Thánh đế rồi ngay đo chứng đắc quả vị Dự lưu.

110 KINH TẠPA-HÀM

Bà-la-môn Trường Thân trở về chỗ tế lễ, sửa soạn các thứ cúng dường thanh khiết, thơm ngon, sắp đặt giường ghế, chỗ ngồi xong, liền sai người đến thỉnh Phật: Thưa đã đúng giờ, xin Ngài biết cho! Lúc ấy, Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng với đại chúng đi đến đại hội của Bà-la- môn Trường Thân roi Ngài ngôi xuông trước đại chúng. Bà-la-môn Trường Thân biết Thế Tôn đã an tọa, liền tự tay dâng cúng nhiều món ăn thức uông. Sau khi thọ thực và đã súc miệng, rửa bát xong, Bà-la-môn ngồi riêng trên một chiếc ghế thấp ở trước đại chúng để nghe pháp. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khh lệ, khiến cho Bà-la- môn Trường Thân hoan hỷ rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi. ***

94. THIỆN, BẤT THIỆN NHƯ MẶT TRĂNG34

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn trẻ tuổi ten là Tăng-già-la đi đến chỗ Phật. Sau khi ân cần thăm hỏi nhau, Bà-la-môn ngồi sang một bên và bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm? làm sao có thể biết được hạng người bất thiện?35

Phật bảo Bà-la-môn:

-Ví dụ như mặt trăng.

Bà-la-môn lại hỏi:

Làm sao có thê biêt được hạng người lương thiện?

Phật bảo Bà-la-môn:

-Ví dụ như mặt trăng.

Bà-la-môn bạch Phật:

Thế nào gọi là người bất thiện giống như mặt trăng?

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

-Như mặt trăng cuối tháng, ánh sáng giảm đần? màu sắc cũng mất, những gì liên hệ cũng không còn, ngày đêm càng lúc càng suy giảm, cho đến khi

34_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.94. 0025c02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.260. 0465006); Tăng (r.02. 0125.17.8. 0584c 11); Hà kho kinh (roi. 0026.148^ 0659bl5);^. 5.31 - m. 32. 35 Nguyen tác: Bất thiện nam tử,()3 Tạp.(7.02. 0100.260. 0465b09) gọi là bất thiện tnrcmg phu ().H3 khổ kinh (r.o 1.' 0026.148. 0659b 15) và Tăng. h.o 125.17.8. 0584c 11) đêu gọi là ác tri thức nhân ().Các trường hợp nêu trên nhằm chỉ cho một con người nào đó nói chung chứ không khu biệt trong một giới tính.

QUYỂN 4 111

không còn gì hiện ra nữa. Cũng vậy, có người đối với Như Lai, phát khởi lòng tin, lãnh thọ tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, giảm phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật. Đối với Như Lai đã có niềm tịnh tín rồi, đã có giữ giới, bố thí, nghe nhiêu, chánh kiên chân thật rôi, nhưng sau đó lại thoái lui; đôi với giới luật, nghe nhiều, bố thí, chánh kiến, tất cả đều mất hết, ngày đêm càng lúc càng suy giảm, cho đến trong khoảnh khắc cũng không còn gì. Lại nữa, Bà-la-môn, nếu người thiện nam không gần gũi bạn lành, không thường nghe pháp; không chánh tư duy; thân làm những việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác. Do nhân duyên làm ác nên sau khi qua đời bi đọa vào đường ác, địa ngục. Như thế, này Bà-la-môn, đó gọi là hạng người bất thiện được ví như mặt trăng. Bà-la-môn bạch Phật: Thế nào gọi là hạng người lương thiện được ví như mặt trăng? Phật bảo Bà-la-môn: -Như mặt trăng đầu tháng trong sảng, ngày đêm càng lúc càng tăng thêm ánh sáng cho đến lúc trăng tròn dầy, chiếu sáng khắp nơi. Cũng thế, đối với Chánh pháp và Giới luật của Như Lai, người thiện nam có límg tin trong sạch... (cho đen) có chánh kiến chân thật, thanh tịnh, thêm sáng suốt và tăng tiến về mọi mặt: Giới luật, bo thí, nghe nhiều, trí tuệ ngày đêm càng tăng trưởng. Vào những lúc khác, lại gân gũi bạn lành, được nghe Chánh pháp; bên trong chánh tư duy; thân, miệng, ý làm những điều lành. Do nhân duyên này nên sau khi qua đời được hóa sanh ở cõi trời. Này Bà-la-môn? đó gọi là hạng người lương thiện được ví như mặt trăng. Bay giơ, The Ton lại noi kê: Ví như vâng trăng trong, Đi khắp bầu hư không, Trong tất cả tinh tú,

Không gì sáng hơn trăng. Tinh tín cũng như thế, Giới, văn, lìa bon xẻn, Giữa the gian xan lẫn, Bố thí kia sáng ngời. Bấy giờ, Bà-la-môn Tăng-già-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi. ***

95. CÚNG DƯỜNG NƠI XỨNG ĐÁNG36

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi đó, Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật. Sau khi ân cần thăm hỏi, Bàla-môn ngồi sang một bên rồi bạch Phật:

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.95. 0026a05). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 010Ò.261. ỏ465c05j; Biệt Tạp.(roi 0100.2. 0493bl2); A. 3.57 - L 160.

112 KINH TẠP A-HÀM

-Thưa Cù-đàm, tôi nghe Cù-đàm nói rằng: “Chi nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử người khác mà được quả báo lớn." Thế nào, thưa Cù-đàm? những lời nói ấy là thật chăng? Chẳng phải là phỉ báng Cù-đàm sao? Nói có đúng như Ngài đã nói? nói có đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp,37 không bi người khác đem pháp tương tợ đên rồi quở trách chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Những người nào nói những lời như the là phỉ báng Ta, nói không đúng như Ta đã nói, nói không đúng với pháp và thứ lóp của giáo pháp, không đáng để bi người khác đem pháp tương tợ đên roi quở trách. Vì sao như vậy? Vì Ta không nói những lời như vây: "Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử người khác mà được quả báo lớn.^, Tuy nhiên, này Bà-la-môn, Ta nói răng, những lời nói như trên sẽ gây ra hai thứ chướng ngại: Chướng ngại cho người cúng dường và chướng ngại cho người nhận sự cúng dường. Này Bà-la-môn, bất cứ người nào đem nước rửa bát còn sót lại chút thức ăn mà đổ trên đất sạch, làm cho các chúng sanh ở chỗ ấy được lợi lạc thì Ta nói những người đó đã vào cửa phước lành, huống gì là người bo thí cúng dường. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói cúng dường cho người trì giới được quả báo không giống với cúng dường cho người phạm giới. Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật: -Thưa Cù-đàm, đúng như thế, tôi cũng nói như thế, bố thí cho người trì giới được quả báo lớn, chứ không phải bố thí cho kẻ phạm giới. "pv Ắ • y r-p-í A r-p /X 1 • À r • 1 A Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Hoặc đen hoặc trắng tinh, Hoặc đỏ hoặc có sắc, Màu tạp hay săc vàng, Toàn vàng hay màu xám, Những con bò cái ấy, Cùng bò đực đẹp này, Đay đủ sức khỏe mạnh, Thuần thục đi nhanh nhẹn, Đủ khả năng chở nặng, Màu sắc chớ quan tâm. Con người cũng như thế, Mỗi người tùy nơi sanh, Sát-lọi, Bà-la-môn,* Tỳ-xá, Thủ-đà-la,

37 Nguyên tác: Pháp thứ pháp thuyết ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp. (7.02. 0099.27. 0005C20).

Chiên-đà-la hạ tiện, Nơi sanh đều chẳng đồng,
Chỉ cần giữ tịnh giới, Lìa gánh nặng, phiền não,
Thuần nhất tu Phạm hạnh, Lậu tận A-la-hán,
Thiên Thê giữa the gian, Thí người ấy phước lớn.
Người ngu, không trí tuệ. Chưa từng nghe Chánh pháp,
Cúng người ấy phước nhỏ, Vì chẳng gần thiện hữu.
Nếu gần thiện tri thức, Như Lai và Thanh văn,
Lòng tin Phật trong sạch, Căn sanh sức kiên co,
Đi về nơi đường lành, Và sanh dòng tôn quý,
Cửu cánh Bát-niết-bàn, Như Lai nói như thế.
Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về.
***

96. KỆ KHUYÊN DẠY CON38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ây? có một Bà-la-môn tuổi già sức yêu, chông gậy, ôm bát đi xin từng nhà. Khi ấy, Thế Tôn hỏi Bà-la-môn kia: -Nay ông tuôi già sức yêu, sao còn chông gậy ôm bát đi xin từng nhà như thế? Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm, trong nhà tôi có bao nhiêu tài vật đều đã giao phó cho đứa con trai và con dâu mà tôi đã cưới cho nó làm vợ, nhưng sau đó, chúng đuổi tôi ra khỏi nhà nên tôi phải chống gậy, ôm bát đi xin từng nhà. Đức Phật bảo: Này Bà-la-môn, ông có thể học thuộc một bài kệ của Ta rồi trở về trong chúng Bà-la-môn, nói cho đứa con trai của ông nghe được không? Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm? có thể được! Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Sanh con, lòng vui mừng, Vì con chứa tiên của, Lo cưới vợ cho con, Rồi phải rời bỏ nhà. Đe ruộng nhà cho con, Kẻ phụ ân cha mẹ, Hình người, tâm la-sat, Bỏ bê người yếu già.

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.96. 0026b18). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Ò.262. Ò466a03j; s. 7.14 - L 175.

Như ngựa già vô dụng, Bị cướp mat lúa mạch, Con trẻ mà cha già, Phải ăn xin từng nhà. Khúc gậy này tốt hơn, Thương ta hơn con đẻ? Giúp ta phòng trâu dữ, Tránh chỗ hiểm được an, Xua đuổi chó hung bạo, Dìu ta đi chỗ tối, Tránh hầm sâu, giếng thẳm, Cây cỏ cùng gai góc, Nhờ vào sức cây gậy, Đứng vững không bị ngã. Bà-la-môn sau khi nhận bài kệ ấy từ Thế Tôn, liền trở về trong đại chúng Bà-la-môn? đọc lại cho con trai nghe. Trước tiên, ông thưa với mọi người: Các ông hãy nghe tôi nói! Rồi sau đó, Bà-la-môn ấy liền đọc bài kệ trên. Người con trai vừa xâu hô vừa sợ hãi, liên ôm người cha đi vào nhà, lau mình tam rửa, mặc áo sạch sẽ, tôn làm gia chủ. Lúc đó, vi Bà-la-môn nghĩ

thâm: "Hôm nay, ta được vào dòng tôn quý, chính là nhờ ân của Sa-môn Cù-đàm. Kinh điển của ta có dạy: 'Là bậc Thầy thì cúng dường như bậc Thầy, là Hòa thượng thì cúng dường như Hòa thượng/ Sở dĩ ta được như ngày nay đều là do oai lực của Sa-môn Cù-đàm? vị ấy là Thay của ta. Hôm nay, ta nên đem chiếc y tốt đẹp, quý giá đến cúng dường Cù-đàm.,^ Bấy giờ, Bà-la-môn đem chiếc y quý giá nhất đến chỗ Thế Tôn rồi ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên và bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Ngày nay, việc con ở nhà đã thành tựu, đó là do oai lực của Ngài. Trong kinh điển của con có nói: "Là bậc Thay thì phải cúng dường theo bậc Thầy, là Hòa thượng thì phải cúng dường theo Hòa thuợng." Bây giờ, Cù-đàm là Thay của con, xin Ngài vì thương xót con mà nhận chiếc y này! Thế Tôn vì lòng thương xót nên đã nhận y. Rồi đức Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho Bà-la- môn hoan hỷ.39 Bà-la-môn ấy nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

97. KHẤT THỰC VÀ TỲ-KHEO40

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực.

39 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023c18). 40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.97. 0026c26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.263. 0466b07); s. 7.20 -1.182.

Khi ấy, có Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy, ôm bát đi xin từng nhà. Bà-la-môn từ xa trông thấy Thế Tôn liền nghĩ thầm: uSa-môn Cu-đàm cầm gậy,41 ôm bát đi khất thực từng nhà, ta cũng chống gậy, ôm bát đi khất thực từng nhỉ Ta vaCu-damdeu*là;.“ 4 ,

Lúc đó, Thế Tôn nói bài kệ đáp:

Gọi là bậc Tỳ-kheo, Chẳng phải do khất thực,

Giữ gìn pháp tại gia, Không thể gọi Tỳ-kheo.

Nơi mọi điều lầm lỗi, Đều lìa, tu chánh hạnh,

Tâm kia không sợ hãi5 Đây gọi là Tỳ-kheo.

Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ roi đi tiếp.

***

98. CÀY RUỘNG42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi dần đi đến thôn Nhất-na-la,43 trú trong rừng Nhất-na-la. Lúc ấy, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào trong thôn Nhất-na-la khất thực. Ngài nghĩ thầm: "Bây giờ còn sớm, Ta có thể đi qua chỗ chuẩn bị thức ăn, nước của Bà-la-môn làm ruộng là Ba-la-d^u-ba-gia?945 uống4445 Bấy giờ, Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá sửa soạn đầy đủ năm trăm lưỡi cày, đang chuẩn bị thức ăn, nước uống. Từ xa, Bà-la-môn đã trông thấy The Ton nen liên noi: -Thưa Cù-đàm! Hôm nay, tôi cày ruộng, gieo giông đê cung cáp lương thực. Vậy, Sa-môn Cù-đàm cũng nên cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực. Phật bảo Bà-la-môn: Ta cũng cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương

thực.

41 Nguyên tác: Nhiếp trượng trì bát .Đây là một trường hợp đặc thù có thể lý giải qua những cơ sơ sau: Thứ nhất, theo Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh, đây là trường hợp duy nhất ghi nhạn sự kiện đức Phật cầm gây ôm bát .Thứ hai, trong hai bản kinh thain chiếu vừa nêu, không có bản kinh nào ghi nhận đường hợp đức Phật câm gậy ,dandapānī. Thứ ba, có khả năng bản Hán nhâm lẫn từ định ngữ "nhiếp y trì ỉt" thành nhiếp trượng trì bát" ỷ tư, trong tín niệm Ấn Độ nói chung, gậy là một loại vũ khí, vì thê trong Phạm động kinh roi. 0001.2L 0088c 18, đức Phật và Thánh chúng đệ tử đã buông xả đao trượng .Bốn cơ sở vừa nêu đều dẫn đến khả năng bản Hán chép nhâm. Thứ năm, nếu như bản Hán không chép nhâm thì phải chăng, đây cũng là một tư liệu để định hình pháp thức sử dụng "tích trượng,, ,khakkară, được ghi nhận trong hau hết các bộ luật cơ bản của Phạt giáo như Ngũ phần luật, Tứ phần luật, Thập tụng luật, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-ẩa... 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.98. 0027a 10. Tham chiếu: Biệt Tạp.r.02. 010Ò.1. 0374a07; Biêt Tạp.r.02. 0100.264. 0466b18; s. 7.11 - L 172; Sn. 1.4 - 12. 43 Nhất-na-la ,Ekanālā. 44 Tác ẩm thực xứ Nơi sửa soạn thức ăn. p. pariyesanā^ sự phân phối thực phẩm hay sự chuân bị thức ăn. 45 Canh điền Bà-la-đậu-bà-giá Kasibhāradvāja .

Bà-la-môn bạch Phật: -Tôi chẳng thấy Sa-môn Cù-đàm có cày, hoặc ách, hoặc vòng da, hoặc dây trói, hoặc cái bừa, hoặc roi, mà nay Sa-môn lại nói: "Tôi cũng cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực?9 Lúc ấy, Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ: Ngài tự nói làm ruộng, Mà chẳng thấy cái cày, Còn tôi nói cày ruộng, Vì tôi biết cách cày. Bây giơ, The Tôn noi kẹ đáp lại: Lòng tin là hạt giong, Khổ nhọc mưa đúng thời, Trí tuệ là cày, ách, Tâm hổ thẹn là trục, Tự giữ gìn chánh niệm, Đấy là khéo điều phục, — • * rpiL •- Thúc liễm nghiệp thân, miệng, Như nơi chứa thức ăn, L Chân thật 1A là xe 4 tốt, Sông vui, không biêng nhác, Tinh tấn, không hoang phế, An ổn và tiến nhanh, Đi thang, chẳng trở lại, Đạt đến chốn vô ưu. Người cày ruộng như thế, Mau được quả giải thoát, . : r Người cày ruộng như thê, Không trở lại các cõi. Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật: Cù-đàm thật khéo cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật tài! Trong lúc nghe Phật nói kệ thì lòng tin của Bà-la-môn càng thêm tăng trưởng nên đem đầy bát thức ăn thơm ngon dâng cúng đức Phật. Do vừa nói bài kệ mà có được thức ăn nên Thế Tôn không thọ nhận. Nhân đó, Ngài nói kệ rằng: Không do vì thuyết pháp, Nhận ăn thức ăn này, Vì lợi ích kẻ khác, Thuyết pháp không vì ăn. (Nói đầy đủ như đã nói ở phần đầu của Kinh Bà-la-môn Hỏa Dí?46). Khi ấy, Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật: Thưa Cù-đàm? nay con đem thức ăn này để ở đâu? Phật bảo Bà-la-môn: -la không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn? trời, thần hay người thế gian có thể dùng thức ăn này mà được an ổn. Ông hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ tươi. Bà-la-môn ây liên đem thức ăn này đê vào trong nước không trùng, nước liền bốc khói, sôi trào kêu xèo xèo như viên sắt nóng bị ném vào trong nước lạnh tiêng kêu xèo xèo. Khi thây

thức ăn bỏ vào trong nước không trùng, bốc khói sôi lên kêu xèo xèo như thế, Bà-la-môn nghĩ thầm: "Thật kỳ đặc! Sa-môn Cù-đàm có oai đức lớn, có đại lực nên mới có thể làm cho thức ăn thần biến như thế!"

46 Xem Tạp.(7.02. 0099.1157. 0308a03).

QUYỂN 4 117

Khi ấy, Bà-la-môn thấy điềm lạ của thức ăn, tín tâm càng thêm mạnh, liền bạch Phật: Thưa Cù-đàm9 hôm nay, con có thể ở trong Chánh pháp xuất gia thọ giới Cụ túc được chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Nay ông có thê được ở trong Chánh pháp xuất gia thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi xuất gia, Bà-la-môn ấy một mình lặng lẽ tư duy về lý do mà một người thuộc dòng quý tộc cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo... cho đếri đắc quả A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.47 ***

99. PHẠM THIÊN TRƯỚC MẬT48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại thành Vương Xá. Lúc ấy, có Tôn giả Tịnh Thiên49 từ nước Tỳ-đề-ha50 du hành trong nhân gian rồi đến vườn Am-la,51 thuộc thành Di-hy-la.52 Sáng sớm, Tôn giả Tinh Thiên đắp y, ôm bát vào thành Di-hy-la khất thực, tuần tự khất thực xong rồi trở về nhà cũ. Trong khi ây, mẹ của Tôn giả Tịnh Thiên tuổi đã già đang ở nhà, đem thức ăn cúng thân lửa đê câu sanh cõi trời, không biêt Tôn giả đứng ngay ngoài cửa. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương rất mực kính tin Tôn giả Tịnh Thiên. Khi ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng các dạ-xoa đi theo cùng lướt trên hư không, thấy Tôn giả Tịnh Thiên đứng ngoài cửa và thấy mẹ của Tôn giả tay bưng thức ăn đặt giữa nhà, lo cúng dường thần lửa mà không thấy con của bà đứng ngay bên ngoài. Thấy thế, thiên tử từ hư không hạ xuống, đến trước bà mẹ của Tôn giả Tinh Thiên va noi kẹ: Này nữ Bà-la-môn?53 Phạm thiên thật xa xôi, Vì cầu sanh về đó, Mà ở đây thờ lửa.

47 Nguyên tác: Thiện giải thoát suvỉmuttà. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19;
Tạp.ro2. 0099.22. 0004c2Ò.
48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.99. 0027Ò29. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02.
0100.265. 0466c12; s. 6.3 -1. 140.
49 Tịnh Thiên Brahmadeva.
50 Tỳ-đề-ha ,Videha.
51 Am-la viên S, Ambavana.
52 Di-hy-la ,Mithilā.
53 Nguyên tác: Bà-la-môn-ni Brāhmanī.

Chẳng phải đạo Phạm thiên, Sao luống thờ cúng đây? Này nữ Bà-la-môn, Tinh Thiên ở ngoài cửa, Cấu uế trọn dứt sạch, Là trời trong các trời, Lặng lẽ không có gi, Một mình không của cải, Vì khất thực, vào nhà, Người đáng được cúng dường. Tịnh Thiên khéo tu

thân, Ruộng phước tốt trời, người, Xa lìa mọi điều ác, Không hề bị nhiễm ô. Đức đồng với Phạm thiên, Thân tuy ở nhân gian, Chẳng dính mắc các pháp, Như con rồng trưởng thành. Tỳ-kheo sống chánh niệm, Tâm kia khéo giải thoát, Nên cúng dường chư Phật, Đây là phước điền lớn. Nên đem lòng tinh tín, Kịp thời mau cúng dường, Nên dự lập hòn đảo, Khiến vị lai an vui. Bà xem ẩn sĩ này, Đã vượt qua biển khổ, Thế nên phát lòng tin, Kịp thời mau cúng dường. Nên dự lập hòn đảo, Khiến vị lai an vui, Tỳ-sa-môn Thiên vương, Khai phát cho bà kia, Khiến xả bỏ thờ lửa. Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên liền vì mẹ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ54 xong, liền trở ra đường và bước đi. ***

100. PHẬT LÀ TÊN ĐẸP NHẤT55

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cùng nhau ân cần hỏi thăm rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm! Gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt ra hay tên do Bà-la-môn đặt?

Bấy giờ, Bà-la-môn liền nói kệ:

Phật là tên đẹp nhất, Vượt hơn cả thế gian,

Là tên cha mẹ đặt, Gọi đó là Phật ư?

,

The Ton noi kệ đáp lại:

Phật

thấy đời

quá khứ, Và thấy suốt tương lai,

Thay rõ kiếp hiện tại, Mọi pháp sanh rồi diệt.

54 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r.02. 0099.92. 0023c18). 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.100. 0028a03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.266. 0467a06).

Minh trí biết rõ ràng, Điêu nên tu đã tu, Điều nên dứt đã dứt, Vì thế gọi là Phật. Nhiều kiếp cầu chọn lựa, Thuần khổ, chẳng chút vui Có sanh đều phải diệt, Xa lìa dứt trần cấu, Nhô sạch gai kiêt sử, Phật giác ngộ viên mãn. Đức Phật nói kệ xong, Bà-la-môn ấy nghe Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngôi đứng dậy mà đi. ***

101. ĐỨC PHẬT LÀ AI?56 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi ngồi nhập đinh dưới bóng cây giữa hai thôn Tùng-ca-đế57 và Đọa-cưu-la.58 Lúc ấy, có Bà- la-môn Đậu-ma59 đang đi trên con đường mà Phật vừa đi qua. Ông thấy dấu chân của đức Phật với tướng bánh xe ngàn căm, đường nét rõ ràng, vành xe tròn trịa, hàng căm thẳng đều, tất cả rất đẹp. Thấy vậy, Bà-la-môn liền suy nghĩ: "Ta chưa từng thây người nào trên thê gian mà có dâu chân như vậy. Ta nên lân

theo dấu chân để tìm gặp người ny." Nghĩ rồi, ông liền theo dấu chân đi đến chỗ Phật thì thấy đức Thế Tôn đang ngoi nhập định dưới bóng cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt the, các căn thuần tinh, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục bậc nhất, thành tựu chỉ quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng. Thấy vậy rồi, Bà-la-môn liền hỏi: Ngài có phải là trời chăng? Phật đáp: - Ta chẳng phải là trời. Bà-la-môn lại hỏi: -Vậy Ngài là rông, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khân-na-la, ma- hầu-la-già, người hay phi nhân? Phật đáp: Ta chăng phải là rông, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la9 ca-lâu-la, khân-na-la, ma-hầu-la-già9 người hay phi nhân.

56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.loi. 0028a20. Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 010Ò.267. Ò467a26; Tăng.r.Ò2. 0125.38.3. 07l7cl8; A. 4.36 - II. 37. 57 Tùng-ca-đế Ukkatthā. 58 Đọa-cưu-la Setavyā. 59 Nguyên tác: Đậu-ma Dopa, thuộc chủng tánh Bà-la-môn .

Bà-la-môn thưa: Nếu chẳng phải là trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la9 ca-lâu-la, khânna-la, ma-hầu-la-già? người hay phi nhân, vậy Ngài là ai? 'pv Á • y 4. A rpi-í Á r-p l y l /V Bay giơ, đức The Ton dung kẹ đáp: Trời, rồng, càn-thát-bà, Khẩn-na-la, dạxoa, A-tu-la không thiện, Các ma-hầu-la-già, Người cùng với phi nhân, Đều do phiền não sanh. Lậu hoặc phiên não này, Ta xa lìa tất cả, Đã diệt trừ hết sạch, Như hoa sen thơm ngát, Mọc lên từ bùn lầy, Chưa từng nhiễm bùn nhơ. Ta sanh tại thế gian, Chẳng nhiễm pháp thế gian, Nhiêu kiêp thường quán sát, Tất cả pháp hữu vi, Thuần kho chẳng gì vui, Đều là pháp sanh diệt. Lìa cấu, tâm bất động, Nhổ sạch gai phiền não, Cùng tột bờ sanh tử, Nên gọi là Phật-đà. Khi Thế Tôn nói kinh này, Bà-la-môn Đậu-ma nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi theo đường mà đi. ***

102. PHÁP CHIÊN-ĐÀ-LA60 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật tru tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Trong khi tuần tự khất thực, Ngài đi ngang qua nhà Bà-la-môn Bà-la- đậu-bà-giá.61 Lúc ấy, Bà-la-môn đang đứng bên cửa, tay cầm thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng tê lửa. Từ xa trông thây Phật đi đên, ông liên nói lớn: Dừng lại! Dừng lại! Này Chiên-đà-la,62 chớ đến gần cửa nhà tôi. Phật hỏi Bà-la-môn: Ông có biết Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la không? Bà-la-môn đáp: -Tôi không biết Chiên-đà-la và cũng không biết pháp của Chiên-đà-la. Vậy Sa-môn Cù-đàm có biết Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la không?

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.102. 0028ỒỈ9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.268. Ò467b27);Sw. 1.7-21. 61 Bà-la-đậu-bà-giá (Bhāradvāja). 62 Nguyên tác: Lãnh-quần-đặc ()chỉ cho người chăn bò, hạng hạ tiện, đồng nghĩa với Chiên- đà-la, giai cáp cùng đinh. Tham chiêu: Sn. 1.7 - 21. Theo Pali-Dictionary Vipassanā Research Institute^ nghĩa la một con bò già. Biệt Tạp.(02. 0100.268. 0467c02) gọi là Chiên-đà-la (ÉPÈÉ).

Phật bảo: Ta biết rõ về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la.

Nghe thê, Bà-la-môn liên đê những dụng cụ thờ lửa xuống, vội vàng trải tòa mơi The Ton ngoi roi thưa: —Bạch Cù-đàm, xin Ngài hãy nói cho tôi biết về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la! Đức Phật an tọa xong, liền nói kệ rằng: Tâm sân ôm oán hận, Che giấu các lỗi lầm, Phạm giới, khởi ác kiến, Dối trá không chân thật, Những hạng người như vậy, Đó là Chiên-đà-la. Hung bạo, tham, bon xẻn, Ác dục, keo, dối trá, Không có tâm hổ thẹn, Đó là Chiên-đà-la. Đoi với các sanh mạng, Đêu ra tay sát hại, Chẳng có lòng xót thương, Đó là Chiên-đà-la. r

Hoặc giêt, trói, đánh đập, Khắp thôn làng, thành ấp, Chửi mắng thật vô đạo, Đó là Chiên-đa-la. Dừng trú hoặc đi đường, Dan đau một so đong, Gây khổ hàng thuộc hạ, Đe dọa và áp bức, Nhằm thủ lợi về mình, Đó là Chiên-đà-la. Nơi thôn làng, đồng trống, Vật có chủ, không chủ, Đều chiếm đoạt về mình, Đó là Chien-đà-la. Phụ bạc vợ của mình, Nhưng chẳng tìm kỹ nữ, Mà xâm đoạt vợ người, Đó là Chiên-đà-la. Bạn bè cùng thân tộc, Thiện tri thức đồng tâm, Xâm phạm vật họ Thích, Đó là Chiên-đà-la. Nói dối lừa gạt người, Lấy của không chứng cớ, Người đòi lại không trả? Đó là Chiên-đà-la. Vì lợi mình lợi người, Trách móc và gây SỊT, Hoặc theo lời người ấy, Nói dối để làm chứng, Người vọng ngữ như vậy, Đó là Chiên-đà-la. Gây tạo nhiều việc ác, Mà không ai hay biêt, Liền che giấu tội ác, Đó là Chien-da-la. Nếu người hỏi nghĩa này, Lại đáp lời vô nghĩa, Nói sai lệch, dối người, Đó là Chiên-đà-la. Trống rỗng, không biết gì, Mà khinh chê người trí, Ngu si, chỉ biết lợi, Đó là Chiên-đà-la. Ngạo mạn tự khoe khoang, Thường chê bai người khác, Thật kiêu mạn thấp hèn, Đó là Chiên-đà-la. Tự tạo bao lồi lầm, Lại vu oan người khác, Nói dối, chê người hiền, Đó là Chiên-đà-la.

Trước nhận lợi dưỡng người, Khi càn, người ấy đến, Không có lòng đền đáp, Đó là Chiên-đà-la. Sa-môn, Bà-la-môn5 Như pháp đến khất thực, Không cho còn trách mắng, Đó là Chiên-đà-la. Khi cha mẹ tuổi già, Khí lực đã kém suy, Không chăm lo phụng dưỡng, Đó là Chiên-đà-la. Trước mẹ cha, tôn trưởng, Anh em và quyến thuộc, Dù chưa chứng La-hán, Tự xưng A-la-hán, Là giặc lớn thế gian, Đó là Chiên-đà-la. Sanh vào dòng cao quý9 Học sách Bà-la-môn, Lại ở dòng dõi đó, Thường làm các nghiệp ác, Không vì dòng cao quý, Mà tránh được đường ác, Hiện tại bị chê trách, Đời sau sa nẻo ác. Sanh nhà Chiên-đà-la9 Đời gọi Tu-đà-di,63 Nổi danh khắp thiên hạ, Chiên-đà-la thấp hèn, Bà-la-môn? Sát-lợi, Đại tộc, đều cúng dường. Nương theo đường Tinh thiên, Sống bình đẳng chân thật, Chăng vì dòng tháp hèn, Không sanh cõi Phạm thiên, Hiện tại tiếng thơm lưu, Đời sau sanh cõi lành, Cả hai, ông nên biết, Như Lai đã chỉ bày, Không phải do dòng họ, Mà trở thành tiện dân. Không phải do dòng họ, Mà thành Bà-la-môn. Nghiệp ác là tiện dân, Nghiệp thiện, Bà-la-môn. Bà-la-môn bạch Phật: Đúng vậy, Đại Tinh Tấn! Đúng vậy, Đại Mâu-ni! Không do nơi dòng họ, Mà gọi Chiên-đà-la, Không do nơi dòng họ, Mà thành Bà-la-môn, Nghiệp ác, thành tiện dân, Nghiệp thiện, Bà-la-môn. Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá càng thêm tín tâm, liền lấy bát đựng đầy thức ăn thơm ngon dâng lên Thế Tôn. Đức Thế Tôn không nhận, vì sự cúng dường này xuất phát từ việc Ngài đã dạy bài kệ. Như trong bài kệ đã nói ở trước. Khi ấy, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá thấy thức ăn hiện ra điềm lạ thì lòng tin của ông đối với Phật

càng tăng. Ông liền thưa đức Phật: Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật64 này xuất gia và thọ giới Cụ túc được không?

63 Nguyên tác: Tu-đà-di .Tham chiếu: Sn. 1.7 - 21. Có vị Chiên-đặ-la tên là Mâtanga được vương công quý tộc trọng thị, cúng dường. Câu chuyện được trình bày chi tiết trong J. v. 497. 64 Chánh pháp, Luật x ,Dhammā Vinaya\ Pháp và Luật, 2 nền tảng quan trọng đầu tiên của Phật giáo trong thơi kỳ đau.

QUYỂN 4 123

Phật dạy: Ông có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật của Như Lai xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sau khi được xuất gia rồi5 Bà-la-môn liền sống một mình ở nơi thanh vắng, lặng lẽ tư duy (như đã nói trong kinh số 98... cho đến) đắc quả A-la-hán, tâm được giải thoát. Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm được giải thoát, tự thân chứng pháp hỷ lạc, liền nói kệ: Trái đạo, cầu thanh tịnh, Cúng dường tế tự lửa, Không biết đạo thanh tịnh, Như người mù bẩm sinh. Nay được pháp an lạc, Xuất gia thọ Cụ túc, Chứng đạt được Ba minh. Hành theo lời Phật dạy, Trước khổ hạnh Phạm chí,65 Nay là Bà-la-môn? Đã tắm sạch bụi nho, Vượt cõi trời, giải thoát.65 66

65 Nguyên tác: Tiên Bà-la-môn nạn (). 66 Bản Hán, hết quyển 4.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.